TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 9 năm 2021

ĐIỂM THI

PHẦN V.2: NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC ĐẢNG Ở CƠ SỞ

LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 52, TẠI TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Ngọc Hải Anh	01	29	8,0	*Tám*	
2	Phạm Tuấn Anh	02	28	7,5	*Bảy rưỡi*	
3	Phùng Hà Tùng Anh	03	27	7,0	*Bảy*	
4	Tạ Văn Cần	04	26	7,5	*Bảy rưỡi*	
5	Đỗ Ngọc Cảnh	05	25	7,5	*Bảy rưỡi*	
6	Liễu Văn Chè	06	35	7,5	*Bảy rưỡi*	
7	Nguyễn Thị Kim Chi	07	36	8,0	*Tám*	
8	Trịnh Quang Chiến	08	34	7,0	*Bảy*	
9	Chu Văn Chiến	09	33	8,0	*Tám*	
10	Phạm Văn Công	10	32	7,5	*Bảy rưỡi*	
11	Phạm Hùng Cường	11	31	7,0	*Bảy*	
12	Lê Minh Cường	12	42	8,0	*Tám*	
13	Đào Thị Dung	13	15	8,0	*Tám*	
14	Thân Thị Thùy Dung	14	14	8,0	*Tám*	
15	Phạm Trọng Đạt	15	13	7,5	*Bảy rưỡi*	
16	Lê Thị Thanh Định	16	24	8,0	*Tám*	
17	Nguyễn Đình Đức	17	23	7,5	*Bảy rưỡi*	
18	Vũ Thị Hương Giang	18	22	8,5	*Tám rưỡi*	
19	Trần Trường Giang	19	21	8,0	*Tám*	
20	Nguyễn Văn Giáp	20	20	8,0	*Tám*	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
21	Nguyễn Mạnh Hà	21	19	7,5	*Bảy rưỡi*	
22	Trần Thị Thu Hà	22	30	8,0	*Tám*	
23	Nguyễn Thị Thu Hà	23	05	8,0	*Tám*	
24	Nguyễn Ngọc Hà	24	06	8,0	*Tám*	
25	Hà Thị Ninh Hải	25	41	8,0	*Tám*	
26	Mai Khắc Hải	26	40	8,0	*Tám*	
27	Nguyễn Thanh Hải	27	39	7,5	*Bảy rưỡi*	
28	Phùng Thị Thu Hằng	28	38	8,0	*Tám*	
29	Tô Thị Hảo	29	37	8,0	*Tám*	
30	Phạm Thị Hảo	30	48	8,0	*Tám*	
31	Nông Thị Hiền	31	47	8,0	*Tám*	
32	Nguyễn Thị Hiệp	32	04	8,0	*Tám*	
33	Nguyễn Văn Học	33	46	7,5	*Bảy rưỡi*	
34	Đinh Thị Hồi	34	45	7,5	*Bảy rưỡi*	
35	Đồng Thị Hồng	35	44	8,0	*Tám*	
36	Hà Bùi Huệ	36	43	8,5	*Tám rưỡi*	
37	Nguyễn Thị Hương-1979	37	54	7,5	*Bảy rưỡi*	
38	Nguyễn Thị Hương-1987	38	02	7,0	*Bảy*	
39	Nguyễn Quang Huy	39	53	7,5	*Bảy rưỡi*	
40	Ngô Mai Lan	40	01	8,0	*Tám*	
41	Hoàng Trung Lâm	41	52	7,5	*Bảy rưỡi*	
42	Đàm Văn Lập	42	51	7,0	*Bảy*	
43	Nguyễn Thị Hải Linh	43	12	8,0	*Tám*	
44	Cà Thị Thùy Linh	44	50	7,5	*Bảy rưỡi*	
45	Mai Thùy Linh	45	49	7,0	*Bảy*	
46	Nguyễn Mạnh Linh	46	60	7,0	*Bảy*	
47	Phạm Thị Loan	47	59	8,0	*Tám*	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
48	Âu Thị Bích Lựu	48	11	8,0	*Tám*	
49	Nguyễn Thị Luyến	49	58	8,0	*Tám*	
50	Triệu Văn Mạnh	50	57	7,5	*Bảy rưỡi*	
51	Hứa Thị Thu Minh	51	56	8,0	*Tám*	
52	Đinh Hoàng Nam	52	55	8,0	*Tám*	
53	Lưu Công Nam	53	66	7,5	*Bảy rưỡi*	
54	Lăng Xuân Ngọc	54	65	7,5	*Bảy rưỡi*	
55	Nguyễn Thị Bích Ngọc	55	64	7,5	*Bảy rưỡi*	
56	Phạm Kiều Nhi	56	63	8,0	*Tám*	
57	Nguyễn Thúy Hoài Nhi	57	62	8,5	*Tám rưỡi*	
58	Nguyễn Thị Nhung	58	61	8,0	*Tám*	
59	Nguyễn Thị Hồng Nhung	59	10	8,0	*Tám*	
60	Trần Kim Oanh	60	72	7,0	*Bảy*	
61	Trịnh Thái Phương	61	71	8,0	*Tám*	
62	Hoàng Văn Quang	62	70	7,5	*Bảy rưỡi*	
63	Tô Quyền	63	09	7,5	*Bảy rưỡi*	
64	Đào Như Quỳnh	64	69	8,0	*Tám*	
65	Nguyễn Thị Như Quỳnh-1986	65	68	8,0	*Tám*	
66	Nguyễn Thị Như Quỳnh-1989	66	67	7,5	*Bảy rưỡi*	
67	Đỗ Đức Thành	67	78	7,5	*Bảy rưỡi*	
68	Trần Thị Bích Thảo	68	77	8,0	*Tám*	
69	Bùi Xuân Thịnh	69	08	7,5	*Bảy rưỡi*	
70	Đào Xuân Thu	70	76	7,5	*Bảy rưỡi*	
71	Nguyễn Đắc Phong	71	75	7,5	*Bảy rưỡi*	
72	Trần Thị Thúy Thương	72	74	8,0	*Tám*	
73	Nguyễn Thị Hồng Thúy	73	-	-	-	**Vắng thi**
74	Bùi Thị Phương Thúy	74	73	8,0	*Tám*	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
75	Nguyễn Thị Thanh Thùy	75	84	7,0	*Bảy*	
76	Mông Thị Thùy	76	83	8,0	*Tám*	
77	Tạ Thị Thủy	77	82	7,5	*Bảy rưỡi*	
78	Nguyễn Mạnh Tiến	78	81	7,5	*Bảy rưỡi*	
79	Ngô Quốc Toản	79	07	7,5	*Bảy rưỡi*	
80	Trần Thị Thùy Trang	80	80	7,5	*Bảy rưỡi*	
81	Nguyễn Thị Thu Trang	81	18	7,0	*Bảy*	
82	Nguyễn Thị Như Trang	82	79	8,0	*Tám*	
83	Đỗ Hiếu Trung	83	88	8,0	*Tám*	
84	Đỗ Đức Trung	84	87	7,5	*Bảy rưỡi*	
85	Mai Thanh Tú	85	86	7,5	*Bảy rưỡi*	
86	Lê Thanh Tuấn	86	17	8,0	*Tám*	
87	Nguyễn Văn Tùng	87	85	8,0	*Tám*	
88	Nguyễn Lệ Tuyết	88	16	8,0	*Tám*	
89	Nguyễn Ngọc Vân	89	03	7,5	*Bảy rưỡi*	

PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hồng Mây

KHOA XDĐ
TRƯỞNG KHOA

Ngô Thị Hồng Nhung

K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN

Phạm Minh Chuyên